

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2021

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang

Ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân Dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân Dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 91/2021/HNGĐ – TLST ngày 23/4/2021 về việc “ *Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 10/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2021/QĐ-ST ngày 27/5/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh ngày 04/01/1986.

Địa chỉ: Khu 2, Văn Ổ, phường A, thị xã M, tỉnh Hải Dương (vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh ngày 13/8/1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư V, phường A, thị xã M, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại Đài Loan (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khu dân cư V, phường A, thị xã M, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh và chị O được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thị xã M), tỉnh Hải Dương ngày 10 tháng 5 năm 2006. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa

thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn chị O đi Đài Loan lao động, khoảng 3 năm đầu chị O gọi điện về gia đình và gửi tiền về để trả nợ. Cuối năm 2017 khi hết hạn hợp đồng chị O có về Việt Nam, anh đã khuyên bảo để chị O ở nhà làm kinh tế nhưng chị O không đồng ý mà tiếp tục sang Đài Loan lao động lần 2. Từ khi đi Đài Loan lao động lần 2 cho đến nay chị O không liên lạc và không gửi tiền về cho anh nuôi con. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị O.

Về con chung : Vợ chồng anh có 2 con chung là Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 24/01/2007 và cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 16/11/2011. Ly hôn ban đầu anh và chị O thỏa thuận mỗi người nuôi một con, anh nuôi cháu Đ còn chị O nuôi cháu H. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, cháu Đ có nguyện vọng được ở với mẹ và bà ngoại nên anh tôn trọng ý kiến của con. Anh đồng ý để hai con ở với mẹ, trong thời gian chị O không ở Việt Nam anh đồng ý để mẹ để chị O là bà Nguyễn Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung, mỗi cháu 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh D không cung cấp được địa chỉ của chị O ở Đài Loan. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ chị O, bà Đ xác định chị O hiện đang lao động tại Đài Loan. Anh D làm đơn ly hôn bà có biết, vì trước khi làm đơn anh D có xuống gia đình bà nói chuyện. Trước đây vợ chồng anh D, chị O sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, từ cuối năm 2020 do anh D có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn nên anh D mới làm đơn ly hôn chị O. Bà không biết địa chỉ của chị O nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên chị O thường xuyên gọi điện về cho bà và có biết việc anh D làm đơn ly hôn, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị O biết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà Đ xác định đã thông tin cho chị O biết. Chị O có quan điểm đồng ý ly hôn và xin được nuôi hai con, thời gian chị O không ở Việt Nam chị ủy quyền cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và cháu H. Hiện tại bà đang chăm sóc cháu Đ và cháu H nên bà Đ đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu thay cho chị O trong thời gian chị O không ở Việt Nam. Về tài sản chung, nợ chung chị O không đề nghị Tòa án giải quyết, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Cháu Nguyễn Việt Đ và cháu Nguyễn Việt H là con chung của chị O, anh D đều có nguyện vọng được ở với mẹ và bà ngoại khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu

thuần của chị O và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị O được ly hôn anh D; về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 24/01/2007 và cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 16/11/2011 cho chị O chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị O không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu Đ, cháu H cho bà Nguyễn Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh D về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D không cung cấp được địa chỉ của chị O ở Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình chị O cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Tuy nhiên qua xác minh tại gia đình chị O thì được biết, chị O vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Đ. Bà Đ đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho chị O biết. Thông qua bà Đ chị O có quan điểm đồng ý ly hôn với anh D và đề nghị xin được nuôi con, đồng thời đề nghị xin được xét xử vắng mặt. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và giải quyết theo thủ tục cổ tình giấu địa chỉ. Do chị O đồng ý để bà Đ chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ, cháu H trong thời gian chị không ở Việt Nam nên Tòa án xác định bà Nguyễn Thị Đ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh D, chị O và bà Đ đều có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị O kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thị xã M), tỉnh Hải Dương ngày 10 tháng 5 năm 2006, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh D muốn chị O ở lại Việt Nam làm kinh tế, nhưng chị O không đồng ý. Chị O nghi ngờ anh D không chung thủy, dẫn đến hai bên không tìm thấy tiếng nói chung. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị O. Thông qua gia đình, chị O cũng có quan

điểm đồng ý ly hôn với anh D. Xét thấy thực tế mâu thuẫn giữa anh D, chị O đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D.

- *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị O có 02 con chung là Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 24/01/2007 và Nguyễn Việt H, sinh ngày 16/11/2011, hiện tại hai cháu đang ở với bà ngoại. Ly hôn anh D và chị O đều thống nhất giao 2 con chung cho chị O nuôi dưỡng. Cháu Đ và cháu H cũng đều có nguyện vọng được ở với mẹ và bà ngoại. Trong thời gian chị O không ở Việt Nam anh D và chị O đều có quan điểm đồng ý để mẹ đẻ chị O là bà Nguyễn Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các cháu, cần chấp nhận nguyện vọng của các đương sự, giao cháu Đ, cháu H cho chị O nuôi dưỡng là phù hợp. Trong thời gian chị O không ở Việt Nam, tạm giao cháu Đ, cháu H cho bà Nguyễn Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận sự tự nguyện của anh D sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3].Về án phí: Anh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị O.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 24/01/2007 và Nguyễn Việt H, sinh ngày 16/11/2011 cho chị Nguyễn Thị O nuôi dưỡng. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi chung với chị O mỗi con là 1.500.000đ/tháng (hai con là 3.000.000 đồng/tháng), thời gian từ tháng 6/2021 cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Trong thời gian chị O không có mặt tại Việt Nam tạm giao cháu Đ, cháu H cho bà Nguyễn Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành các khoản

tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) anh đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0005963 ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh D đã nộp đủ án phí ly hôn, anh D còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị O được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương
- Các đương sự.
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương.
- UBND phường A
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền